

# **Giảng dạy và học tập Phật pháp qua thiết kế kiến trúc tu viện Phật giáo Sri Lanka tập trung trong chương trình giảng dạy Đại học**

---

Leena Seneheweera (\*)

---

Huỳnh Thị Thu Mến dịch

## **Lời giới thiệu**

Mục đích của nghiên cứu là phân tích chiến lược giảng dạy và phương pháp học tập phản ánh trong chương trình giảng dạy tại đại học (tại Khoa Mỹ thuật Đại học Peradeniya, Sri Lanka). Ở đây các bộ môn của Phật Pháp được giảng dạy và học tập thông qua nghiên cứu thiết kế kiến trúc của khu phức hợp Phật giáo Anuradhapura

Nghiên cứu này nhằm thu thập thông tin chi tiết bằng cách sử dụng bằng chứng về thiết kế kiến trúc đặc biệt, các tu viện Phật giáo cổ xưa được tìm thấy trong hệ thống tu viện và Pabbataviharas ở Anuradhapura. Phương pháp định tính trong nghiên cứu này phân

---

(\*) Khoa Mỹ thuật, Đại học Peradeniya, Sri Lanka

tích cách chương trình giảng dạy đại học hiện nay góp phần vào giảng dạy và học Phật pháp qua các thiết kế kiến trúc. Đó là trọng tâm của nghiên cứu.

Dữ liệu sẽ được thu thập từ nhiều nguồn như phần còn lại tu viện ở Anuradhapura, chứng cứ nghiên cứu khoa học và văn bản tài liệu cũng như các chương trình đào tạo đang được sử dụng hiện nay tại Cục Mỹ thuật, Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Peradeniya.

Các tu viện cổ ở Anuradhapura cung cấp minh chứng thị giác vĩ đại cho việc giảng dạy và học tập Phật pháp về một sự kiện lớn. Họ minh họa sự soi sáng của Phật giáo thông qua các cấu trúc, vị trí của tu viện khác nhau, mối quan hệ giữa các mô hình hình học, và những sự sắp xếp các công trình kiến trúc phù hợp nhu cầu thực hành Phật giáo và nhu cầu xã hội,..vv

Chương trình giảng dạy đại học của khoa Mỹ thuật được thiết kế để cung cấp 36 khóa học trong bốn năm bao gồm văn bản như một phần của chứng chỉ danh dự cho lĩnh vực Mỹ thuật. Trong số 36 khóa học này, có bốn khóa học về thiết kế kiến trúc Phật giáo. Là một phần của hai khóa học (FNA101, 102) kiến trúc được dạy trong một năm học. Và bài học được dạy về thiết kế kiến trúc qua việc tiếp cận Phật giáo. Ngoài ra, học kỳ đầu tiên của năm học thứ hai, chức năng xã hội của kiến trúc Phật giáo được cung cấp dưới tên khóa học “Xã hội học và nghệ thuật Tâm lý học”. (FNA 210). Trong đó, một mô-đun trên mối quan hệ giữa nghệ thuật, nghi lễ và tôn giáo được bao gồm. Cũng trong học kỳ đầu tiên của năm học thứ hai, khóa học “Nghệ thuật Châu Á” (FNA 211) giới thiệu không chỉ Phật giáo ở Sri Lanka mà còn ở kiến trúc phía Nam và Đông Nam Á.

Theo kinh nghiệm giảng dạy, tôi đã nhận ra rằng sinh viên học kiến trúc Phật giáo tiếp cận có hệ thống Phật giáo và họ đang tiến hành nghiên cứu nâng cao kiến thức Phật giáo. Cách tiếp cận này gián tiếp như là tài liệu giảng dạy cũng như chiến lược học tập hiệu quả liên quan đến giảng dạy và học tập giáo pháp trong đại học. Vì vậy, tôi hy vọng kinh nghiệm của tôi trong giảng dạy chứng minh lập luận của nghiên cứu này.

Các loại nghệ thuật thị giác tôn giáo như hội họa, điêu khắc và kiến

trúc phản ánh cảm nhận thẩm mỹ cũng như cảm nhận về tôn giáo. Tác động của môi trường tôn giáo góp phần phát triển quá trình suy nghĩ của con người và trao đổi nhận thức tôn giáo giữa những người khác nhau. Trong lĩnh vực kiến trúc, nó mô tả ý tưởng này thông qua chất lượng và chức năng của nhu cầu xã hội. Nó cũng thể hiện sự bố cục nhíp nhàng các chi tiết tạo nên kiến trúc tôn giáo và bằng cách ấy, nhấn mạnh một nhận thức rằng nó là thể tục hay tôn giáo. Bối cảnh xã hội của thể giới vật lý đại diện cho nền văn hóa nhất định được bao gồm trong tôn giáo, phong tục, bản sắc ngôn ngữ... vv

Vì vậy, tôi đã lựa chọn thiết kế kiến trúc phù hợp bao gồm các phương tiện truyền thông trực quan tốt nhất cho việc dạy và học Giáo Pháp, cũng gồm cả lịch sử nghệ thuật và thẩm mỹ. Kiến trúc thuộc thể loại nghệ thuật thị giác, nó không phải là nghệ thuật biểu hiện như hội họa, điêu khắc vv, thiết kế kiến trúc Phật giáo dựa trên giải thích chủ quan của các nghệ sĩ. Các nghệ sĩ sử dụng nó để truyền thông điệp Phật pháp. Vì lý do này, dường như thiết kế kiến trúc Phật giáo và pháp môn tu tập là phương pháp tốt nhất. Lập luận của tôi trong nghiên cứu là giáo lý Phật có thể được đưa vào chương trình giảng dạy đại học. Điều đó được giảng dạy tốt hơn thông qua việc nghiên cứu thiết kế kiến trúc. Theo chương trình giảng dạy của chúng tôi tại khoa Mỹ thuật, chúng tôi đang giảng dạy nghệ thuật thị giác kết hợp kiến trúc Phật giáo bằng cách tham chiếu chất lượng của kiến trúc. Bằng bối cảnh này, chúng tôi giới thiệu cho học sinh nhiều loại hình tu viện ở châu Á với tham chiếu đặc biệt tới Sri Lanka. Trong số đó, nghiên cứu này, chúng tôi đã chọn hệ thống tu viện và pabbhata viharas trên cơ sở môi trường tự nhiên của họ.

### **Sự đóng góp của thiết kế kiến trúc tu viện cho việc giảng dạy và học Phật pháp qua các chương trình đào tạo đại học**

Cấu trúc đồng nhất của tu viện được xem như một chuỗi các hoạt động tôn giáo và sự sinh sống của tu sĩ cũng như người thế tục. Bandaranayake nói “nó cho thấy chiều dài lịch sử của đời sống tu viện Phật giáo và kiến trúc Phật giáo” (Bandaranayake, 1974: 4).

Sau khi thành lập Phật giáo ở Sri Lanka, dưới thời trị vì của vua

Devanampiya Tissa (247-207B.C.), các nhà sư đã sống trong hang động tự nhiên hoặc nhân tạo. Các hang động tự nhiên nổi tiếng ở Vessagiri và Mihinthale, Sri Lanka là những ví dụ, gần 2000 hang động được tìm thấy ở thời kỳ Sri Lanka cổ (Gunawardhana, 2010:31).

Theo giáo lý Phật giáo, thiền định là hoạt động chính của các nhà sư, do đó họ chọn sống trong rừng, hang động... vv để thực hành thiền định và đạt tinh thần xuất sắc. Tuy nhiên, đối với nhu cầu xã hội của chúng sinh, tu sĩ đã phải bước ra khỏi hang động mà giảng giải Phật pháp. Do đó, tu viện được thiết lập tại làng và thành thị. Sau đó, với thời gian, thiết kế kiến trúc khác nhau được thêm vào những tu viện cũ, đơn giản nhằm phục vụ nhu cầu và tập tục đời sống tôn giáo, bên cạnh việc duy trì tính toàn vẹn các góc độ khác nhau của sự hiệp nhất khu tu viện phức hợp.

Trong nghiên cứu này, đầu tiên tôi sẽ giải thích làm thế nào để kết hợp các thiết kế kiến trúc Phật giáo vào quá trình giảng dạy và học tập giáo pháp, bằng sự tham khảo hang động dùng để ở của các nhà sư. Hầu hết hang động được đặt trên núi hay rừng. Các nhà sư sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhưng vẫn hướng đến mục đích bảo vệ môi trường hang động. Hang động là vị trí lý tưởng cho thiền định bởi nó có hình dạng đơn giản với không gian mở. Vị trí này được mô tả là quyến rũ và yên tĩnh; nó có thể thay đổi cảm xúc của chúng ta về thế giới vật chất với vô tham (không dính kèm), vô sân (thiện chí), và vô si (không ảo tưởng) (xem hình 2).

Hơn nữa, vị trí ấy còn thúc đẩy tự thanh lọc, tự kiểm soát và tự giác ngộ của các tu sĩ cũng như Phật tử (xem hình 1.). Ba yếu tố này cho thấy sự hài lòng trong tâm trí các nhà sư, những người sống ở hang động. Nó được khẳng định bởi tuyên bố của sư Rahual “những người được coi là nhà sư ở hang động đạt nhiều trí tuệ, tâm hồn cao cả và tâm hồn tôn giáo hơn người khác”.(La Hầu La, 1956: 112). Ngay cả xã hội Phật giáo đương đại cũng chấp nhận và phê duyệt báo cáo này vì quan điểm chung rằng đó là môi trường tự nhiên, là nơi tốt nhất cho thiền định.

Một loại bằng chứng khác được ghi nhận từ các mẫu thiết kế kiến trúc là văn bản chữ khắc tìm thấy trên vách hang động. Một số chữ khắc đề cập đến tên nhà tài trợ như vua, hoàng hậu, bộ trưởng hoặc

người bình thường... vv nội dung hầu hết đưa vào phối cảnh của khái niệm bố thí (trách nhiệm) trong Phật giáo. Hang động này thường dành riêng cho Tăng thân đến từ các khu vực khác nhau hay từ bốn hướng. Nó có nghĩa, bất kỳ tu sĩ nào cũng có thể sử dụng hang động thiền định. Không có chủ sở hữu cụ thể cho hang động, mà chúng được tạo thành bởi môi trường tự nhiên. Tôi thường dạy cả giáo lý Phật Pháp khi giải thích thiết kế kiến trúc của hang động. Học sinh học chủ đề này đã được trợ giúp qua hình ảnh hang động. Hàng năm, chúng tôi tổ chức chuyến đi thực địa ghé thăm những nơi liên quan đến chương trình giảng dạy. Chúng ta phải phát triển kỹ năng sư phạm như thế, ngay cả trong bài giảng đại học để đưa thiết kế kiến trúc Phật giáo thành trợ giảng hữu ích khi giảng dạy Phật pháp.

Hang động trở thành biểu tượng nghệ thuật cũng như văn hóa Phật giáo với khát vọng tinh thần Phật pháp. Ví dụ chứng minh thực tế này từ Thanh Tịnh Đạo đề cập đến hang động được vẽ, gọi là Kurundaka mahalena của Cittaguttathera. Theo câu chuyện thiền sư đã và đang sống trong hang động này suốt sáu mươi năm, nhưng ông chưa từng nhìn thấy những bức tranh vẽ trên trần và cũng chưa bao giờ thấy cây rồng lớn (sắt-gỗ) phía trước hang động. Câu chuyện cho thấy việc kiểm soát cảm xúc của thiền sư. Nó cho rằng chúng ta nên cảm nhận cảm giác của nhà sư và quan tâm đến tự tánh của chúng ta hơn so với bên ngoài.

### **Sự đóng góp của thiết kế kiến trúc Pubata Vihara để giảng dạy và học Phật pháp qua các chương trình đào tạo đại học**

Cấu trúc của pabbatavihara là một trong những tu viện phức hợp lớn ở Anuradhpura. Nó là ví dụ điển hình trong nghiên cứu của chúng tôi, vì thiết kế kiến trúc của nó cho chúng ta thấy một phần Phật giáo đem lại qua những phân đoạn giáo lý nhất định. Loại tu viện phức hợp này nằm trên những ngọn núi hoặc đồi ở tỉnh lẻ. Có hai bộ phận chính của pabbatavihara, phần bên trong và phần bên ngoài. Phần bên trong được đặt các công trình linh thiêng như bảo tháp, Bodhighara, uposathagara và patimaghara. Phần bên ngoài Bhikkus là nhà ở và nhà phụ. Bandaranayake nhận xét, “đây là hình thức nguyên mẫu của tu viện Sinhalese trong suốt toàn bộ lịch sử tu viện ở Tích Lan” (Bandaranayake, 1974:70). Theo hiểu biết của tôi, công trình kiến

trúc phục vụ ba chiều bởi vì nó nằm trên ngọn đồi hoặc trên núi. Ngoài ra, thiết kế kiến trúc pabbatavihara có thể được đánh giá cao về cấu trúc phức tạp. Sự phức tạp này tạo ra một số góc độ khác nhau cả từ bên trong lẫn bên ngoài tùy thuộc vào nhu cầu xã hội và tôn giáo.

Tuy nhiên, vị trí của bốn đền thờ lớn có thể được tìm thấy trong các pabbathavihara bao gồm một khu vực hình chữ nhật và hình tứ giác. Nếu chúng ta xem xét mô hình nằm trong bốn đền thờ ở các khu vực khác nhau, thì chúng dường như được hệ thống hóa và đôi khi vị trí của bốn đền thờ cũng khác nhau. Theo Bandaranayake, có ba biến thể của vị trí bốn đền thờ. Các đơn vị cấu trúc khác nhau thể hiện sự hiểu biết tâm linh Phật giáo.

Trong bốn điện thờ, bảo tháp là thiết kế kiến trúc chính. Vào thời Anuradhapura, nó đã nằm (nước-Pavilion-tại-cổng) ở lối vào của sân. Paranavithana quan sát trong cuốn sách của ông về Bảo Tháp ở Tích Lan, 68 trang có hàng chữ Pankuliya đề cập về đá padoni (dùng rửa chân), nội dung của dòng chữ cho thấy các tín đồ phải rửa đôi chân của mình và thay quần áo.

Bước vào khuôn viên thiêng liêng với bàn chân và trang phục sạch sẽ có nghĩa là trước khi phát triển thanh tẩy nội tâm, chúng ta nên chú ý đến yếu tố vật lý mà làm cho nó thoải mái hơn để lắng nghe Giáo Pháp. Ngoài ra, có hai sân bên trong (valikanga) và bên ngoài (valikangana), valikangana đề cập đến giảng đường được bao phủ bởi cát trắng. Nó tượng trưng cho sự tinh khiết và sạch sẽ. Sân bên trong nằm trên độ cao cao hơn so với sân bên ngoài và có bốn cổng chính. Bandaranayake chỉ ra một hoặc hai ví dụ được tìm thấy với một cơ sở hình bát giác và cánh hoa sen đúc tại căn cứ của các mái vòm trên bảo tháp (Bandaranayake, 1974, 75).

Điều này có thể được liên kết vào việc học tập giáo lý Phật pháp qua cơ quan đại diện tượng trưng của bảo tháp. Có ba bậc thang chính trong ngôi tháp; thấp, trung và thượng. Tầng thấp là cố định với mười sáu bước chân tại các điểm thường xuyên và những điểm này được đặt xung quanh bảo tháp. Khi tín đồ đi bộ xung quanh bảo tháp, họ dừng lại ở mỗi điểm và có thể quỳ xuống hành lễ. Tầng giữa sử dụng để cung cấp hoa. Theo Coomarswami giải thích, ba bậc thang tượng trưng cho đầu, thân và chân của Ngài. Mái vòm là người đứng đầu, tầng giữa

là cơ thể và cơ bản là bàn chân. Ngoài ra, bảo tháp còn tượng trưng cho Niết Bàn (sự ra đi) của Đức Phật. Mahaparinirvasutta của Digha Nikaya đề cập đến cuộc trò chuyện cuối cùng giữa Đức Phật và Ananda Thero tại giường. Đức Phật dặn dò thị giả A Nan sau khi Ngài chết hãy để nhục thân Ngài trong bảo tháp. Theo đó, xá lợi Phật được đặt trong một bảo tháp. Từ đó, tất cả bảo tháp đại diện cho những bậc cao đức. Ba bậc thang của tháp tượng trưng cho thriloka (lĩnh vực của vũ trụ). Theo quan điểm này, mặt đất đại diện trái đất, lan can tầng giữa là không gian và lan can trên là thiên đường. (Mital và Ashvin, 1993: 163). Có một mái che bao quanh bảo tháp, nó có chức năng như nơi trú ẩn được sử dụng để bảo vệ tín đồ khỏi nắng mưa.

Cây Bồ Đề là một thiết kế kiến trúc chính của pabbatavihara. Cây thiêng liêng này nằm gần bảo tháp, tượng trưng cho sự giác ngộ của Ngài Cồ Đàm. Sau sự giác ngộ, Đức Phật dành bảy tuần dưới cây Bồ Đề và các vùng lân cận. Tuần thứ hai của bảy tuần, Đức Phật dạy thế giới giá trị của lòng biết ơn bằng cách đứng phía trước cây Bồ đề một khoảng cách nhất định và nhìn chăm chú vào cây với đôi mắt bất động suốt tuần, vì cây bồ đề này che chở Đức Phật trong sự nghiệp đạt đến giác ngộ. Trước khi Ngài diễn thuyết, hình ảnh cây bồ đề tượng trưng cho Đức Phật trong nghệ thuật Phật giáo. Nhiều hình ảnh như vậy có thể tìm thấy trong các bảo tháp ở Bharhut, Ấn Độ. Cây bồ đề không thể được chặt như chúng ta muốn và chỉ khi có vấn đề không thể tránh khỏi, nó mới được chặt. Nó nhắc nhở giá trị thực tế của cây như bóng râm, thực phẩm, thuốc men, gỗ... vv Nếu chúng ta bảo vệ cây xanh như chúng ta làm đối với cây Bồ Đề, chúng ta sẽ có thể kiểm soát cuộc khủng hoảng môi trường trên thế giới hiện đại. Có mái che xung quanh bảo tháp và cây Bồ đề trong pabbatavihara tu viện phức tạp. Một số mái che Bồ Đề là vòng tròn và một số là hình vuông trong khi mái che bảo tháp là các vòng tròn.

Trong Phật giáo, hình dạng của vòng tròn, bánh xe biểu tượng bài giảng đầu tiên của Phật (Dhmmacakkapavattana) tại Isipathnarama, Benares. Hơn nữa vòng tròn còn tượng trưng cho sự luân hồi (vòng tròn của sự tồn tại và liên tục). Nó không có khởi đầu và kết thúc giống như cuộc sống của chúng ta sinh ra, tồn tại và chết.

Nhà tượng trưng (mái che pattima) là công trình xây dựng quan trọng tiếp theo trong tu viện pubbatha. Xã hội Phật giáo Sri Lanka



xem ngôi nhà tượng trưng là nơi quan trọng của tu viện Phật giáo. Sau thế kỷ thứ năm, hình ảnh Đức Phật đã được phổ biến đến các Phật tử. (La Hầu La, 1956: 128). Những bức tượng Phật của ngôi nhà tượng trưng miêu tả cử chỉ tay khác nhau và sắp xếp chỗ ngồi. Do đó, việc dạy và học tác phẩm điêu khắc Phật giáo có thể được giải thích liên quan đến các cử chỉ tay và sắp xếp chỗ ngồi của Đức Phật; và các nhà tượng trưng cũng được xem xét qua những giá trị tượng trưng.

Mái che Uposatha là một công trình xây dựng khác của khu phức hợp Pabbatavihara. Tòa nhà này không được dùng để thờ hoặc theo nghi lễ Phật giáo, mà Bhikkus đã tụ tập hình thành các hoạt động giới luật. Có bốn lối vào và bốn cổng để đến Uposathagara; với các thần hộ vệ ở cửa (dvarapalakarupas) (La Hầu La, năm 1956, 130). Những con số này cũng hài hoà với tu viện xung quanh. Một vài pabataviharas mô tả vị trí của mái che uposataa phù hợp với nhà tượng trưng (xem hình 3). Đề cập trên về pubbathavihara được đặt bên trong tu viện.

Phần ngoài của tu viện pabbata là nơi cư trú của Bhikkus. Nó được thiết kế nhỏ và vuông vức, bao quanh bởi khu vực linh thiêng. Những tòa nhà được bố trí trong mô hình hình học. Nếu chúng ta xem xét toàn bộ quy hoạch của tu viện pabbata, ta sẽ thấy mô hình đối xứng trên một đường thẳng đứng. Đường thẳng đứng có thể đại diện cho nguyện vọng tâm linh (xem hình. 3 & 4). Ngoài các phòng ở, có vài tòa nhà khác như bhojanasala (phòng ăn), yjantaghara (nhà tắm),.... Cũng có những hào tự nhiên hoặc sông bao quanh tu viện pubbatha.

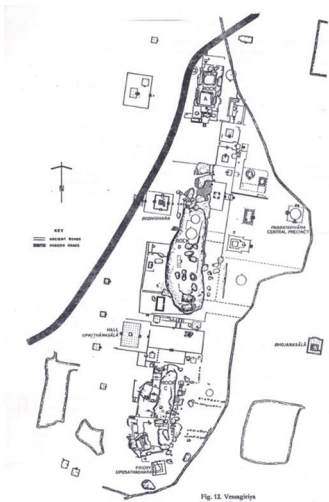
## **Kết luận**

Như đã đề cập ở trên, xem xét các thiết kế kiến trúc trong tu viện và chuỗi tu viện pabbatha chúng ta có thể hiểu giá trị của sự cân bằng và nó dạy chúng ta thông qua kế hoạch sơ đồ kiến trúc. Nếu chúng ta chú ý đến hệ thống hóa cuộc sống theo cách này, thì cuộc sống có thể trở nên hòa bình và tươi đẹp hơn. Cũng như góc độ bên trong và bên ngoài, các chi tiết khác nhau của tòa nhà xuất hiện như những chi tiết hài hòa.

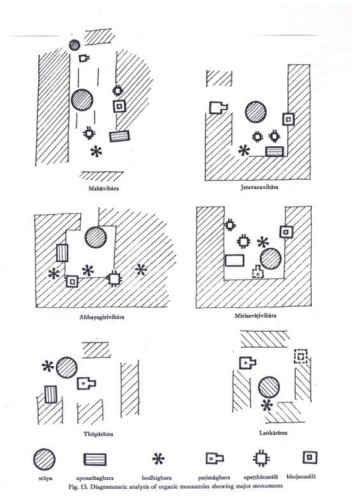
Nghiên cứu cho thấy các kiểu dáng kiến trúc khá gần nhau. Tỉn đồ cảm thấy ảnh hưởng từ quá trình gắn kết các bộ phận khác nhau vào một tòa nhà hoàn chỉnh. Vì sự hài hòa của từng chi tiết trong các tòa



nhà, người xem sẽ có thể tránh lo lắng về tầm nhìn của mình. Đây là bài học tốt hoặc ví dụ tốt cho cuộc sống của chúng ta. Ngoài ra, không gian của tòa nhà tượng trưng cho sự cân bằng tâm trí và ba dòng: sinh, tồn tại và chết, trong vòng luân hồi cuộc sống. Nó có nghĩa hình thức kiến trúc phục vụ sự kiện thực tế và tâm lý. Ví dụ bảo tháp tập trung tại tu viện là vũ trụ. Đức Phật nói rằng vũ trụ là vô hạn về mọi mặt; mức độ, thời gian...v.v. Tuy nhiên công trình xây dựng hang động và chuỗi tu viện pabbata nhắc nhở tính vô hạn của thế giới cũng như cuộc sống của chúng ta. Tính vô hạn sẽ có hai hướng: thu nhỏ và mở rộng. Như nhà quan sát giáo pháp, chúng ta luôn đảm bảo và liên tục cuộc sống của chúng ta với những giao dịch tốt trong xã hội. Các thiết kế kiến trúc đại diện cho chất lượng và số lượng khung vật chất. Các nguồn tự nhiên từ môi trường có thể được sử dụng theo sự điều chỉnh hiệu quả sức mạnh của tâm. Những thiết kế kiến trúc liên quan như vậy trong văn hóa Phật giáo có thể được đưa vào quá trình giảng dạy và học tập giáo pháp tại đại học.



**Hình 1: Kế hoạch tu viện tại Vessagiri (Bandaranayake, 1974:44)**



**Hình 2. Phân tích biểu đồ của tu viện \_ miêu tả di tích chính (Bandaranayake, 1974:45)**

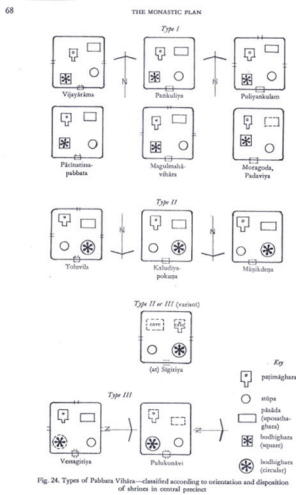


Fig. 24. Types of Pabbata Vihāra—classified according to orientation and disposition of stūpa in central position

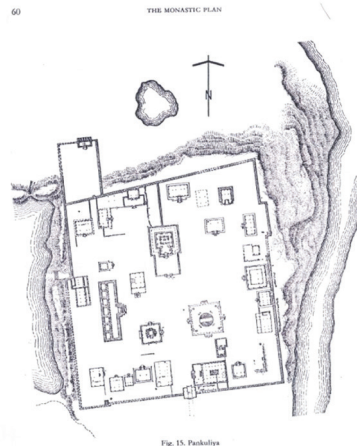


Fig. 15. Pankuliyā

**Hình 3: Một số loại chuỗi tu viện pabbata được phân loại theo định hướng và định vị đền thờ tại khu vực trung tâm (Bandaranayake, 1974: 68)**

**Hình 4: kế hoạch kiến trúc tại tu viện tại Pankuliyā (Bandaranayake, 1974: 60)**

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Sách tiếng Anh và các bài viết

Bandaranayake, S. 1974. Sinhalese Tu Viện Kiến trúc: Các Tịnh Xá Anuradhapura, Hà Lan.

*Britannica Sãn sàng tham khảo Bách khoa toàn thư, 2005. Encyclopedia Britannica, Inc, New Delhi.*

Halliday, F.E. 1946. *Five Arts*, Riverside Press: London.

Narada, 1988. *Đức Phật và giáo lý của Ngài*, Taipei; Taiwan.

La Hầu La, w. 2003. *Di sản của vị Sư*, Godage: Colombo

Ranasinha, C.P. 1953. *Giải thích về vũ trụ của Đức Phật, Đức Phật Lanka Mandalay tìm thấy*; Colombo

Silva, R. 1988. *Religious Architecture in Early and Medieval Sri Lanka*, London.

Verma, K.V. 1993. *Some Aspects of Early Buddhist Symbolic Art*, (ed.)

Mittal, K.K.&Ashvin

Agrawal, *Buddhist Art and Thoughts* Harman Publishing House, Delhi. 158-163pp).

Wijayaratne, M.1990. *Budhist Monastic Life*, Cambridge University Press: Cambridge.

Wijesuriya, G. 1998. *Buddhist Mediation Monasteries of Ancient Sri Lanka* Department of Archaeology, Colombo.

**Sách và bài báo Sinhala**

Gunawardhana, P. 2010. *Ancient Buddhist Monasteries in Sri Lanka*, Samanthi Book Publishing Jaela

Lagamuwa, A. 2002, *Uposathagaraya*, SaraviPrakashakayo; Colombo